

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+AMD	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
2		TD2+CTK3	7:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
3		T.JUNG	7:25	17	0		18	0	
4		GTCl+RP2+RC5	9:25	11+10+1	0+0+0		7+6+2	0+0+0	
5		PPD+PVD2	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
6		CTK3+BK14	11:25	20+2	0+0		10+12	0+0	
7		PPD+CTK3+P3	11:25	18+4+0	0+0+0		11+6+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/6 NGUOI DD3 VỀ BỜ QUA BK14 2/5 NGUOI DI CTK3 VỀ TRONG NGÀY.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐÀI	CTK3	32	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	38	1	5		92	D-HANH	Vietnamese
3	PHAN VAN THINH	CTK3	37	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG	CTK3	29	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
5	TRINH MINH ĐỨC	CTK3	39	1	9		70	D-HANH	Vietnamese
6	PHẠM ĐẠI PHONG	CTK3	30	1	5		67	YTE	Vietnamese
7	LÊ HUY TÂM	CTK3	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH HAI	CTK3	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN MINH	CTK3	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	36	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	31	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
13	PETE BALL	AMD	28-29	2	17		120	KH-THAC	Australian
14	TRINH BICH NGOC	AMD	39-40	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG THO	AMD	37	1	5	80	63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BA QUÂN	AMD	35-36	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	41	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	42	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ TRI HÙNG	AMD	38	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	43	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	11	61	871	0	11		
2	AMD	9	12	78	675	80	11		
TOTAL		21	23	139	1.546	80	22		
WEIGHT KG				139	1.546	80			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: TD2 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Thanh - HUNG - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH THANG	TD2	45	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
2	LE QUOC TOAN	TD2	42	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC DUNG	TD2	32	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH ANH	TD2	40	1	3	50	70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	38	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC DUC	TD2	37	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN MANH CUONG	TD2	44	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM THANH GIANG	TD2	39	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	DO BA NAM	TD2	41	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TUNG	TD2	43	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUC	TD2	33	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN DUONG	TD2	34	1	8		74	NIPI	Vietnamese
13	NGUYEN VIET DUNG	TD2	36	1	5		70	NIPI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DIEP	TD2	35	1	5		75	NIPI	Vietnamese
15	PHAN VAN DUC	TD2	31	1	5		79	NIPI	Vietnamese
16	TRAN DAN	CTK3	74	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH DAO	CTK3	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VU XUAN TRUC	CTK3	76	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TIEN PHUONG	CTK3	77	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANG	CTK3	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HAI	CTK3	75	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	78	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	15	76	1.055	50	14		
2	CTK3	7	7	37	470	0	8		
TOTAL		22	22	113	1.525	50	22		
WEIGHT KG				113	1.525	50			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:27
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: KIEN - HHai	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV	BK THIE	69	1	4		96	KH-THAC	Russian
2	VAN MINH TAN	BK THIE	80	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM QUANG QUY	BK THIE	77	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
4	VU XUAN THANH	BK THIE	72	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG KIEN	BK THIE					68	KH-THAC	Vietnamese
6	VO CHIEN THANG	BK THIE	71	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGOC TOAN	BK THIE	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRAN SON	BK THIE	70	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN XUAN THUY	BK THIE	78	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC HIEU	BK THIE	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC BINH	BK THIE					67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN HOA	BK THIE	74	1	15		68	PSV	Vietnamese
13	HO VAN TINH	BK THIE					55	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	68	1	2		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	75	1	4		61	PSV	Vietnamese
16	LUONG CONG DAT	BK THIE	79	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	16	13	72	1.077	0	18		
	TOTAL	16	13	72	1.077	0	18		
	WEIGHT KG			72	1.077	0			

GRAND TOAL: 1.149 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: GTC1 - RP2 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM THAI	GTC1	21	1	4	50	58	KH-THAC	Vietnamese
2	VU QUY HOANG	GTC1	17-18	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUU TRUNG	GTC1	13	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG TRAN KHANH	GTC1	12	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN MINH	GTC1	14	1	11		60	CODIEN	Vietnamese
6	VU DINH NAM	GTC1	19	1	12		59	CODIEN	Vietnamese
7	PHAM NHU SANG	GTC1	15	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	GTC1	22-25	4	20	22	71	XAYLAP	Vietnamese
9	TRUONG ĐỨC MẠNH	GTC1	16	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	20	1	3		63	PSV	Vietnamese
11	LUONG ANH HAI	GTC1	11	1	5		53	PSV	Vietnamese
12	VU MINH PHUONG	RP2	86	1	3	35	70	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN HOAI VU	RP2					67	D-HANH	Vietnamese
14	SIDORSKY	RP2	85	1	5		94	D-HANH	Russian
15	KRAPIVKA	RP2	84	1	3		88	D-HANH	Russian
16	TRAN CAO MONG	RP2	83	1	8		56	GETRACO	Vietnamese
17	BUI VAN TUAN	RP2	82	1	9		56	GETRACO	Vietnamese
18	VU HOANG QUAN	RP2					61	GETRACO	Vietnamese
19	CAO DUY LUNG	RP2	80	1	7		56	GETRACO	Vietnamese
20	PHAM ANH TU	RP2	79	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
21	PHAN MANH LINH	RP2	81	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	11	15	100	714	72	8		
2	RP2	10	8	45	688	35	6		
3	RC5	0	0	0	0	20	8		
TOTAL		21	23	145	1.402	127	22		
WEIGHT KG				145	1.402	127			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: PPD - PVD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - Nam	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHONG TIEN DUNG	PPD	18	1	5		80	KHI	Vietnamese
2	PIATOV	PPD	07-08	2	12	40	95	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG CHUONG	PPD	16-17	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC DU	PPD	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC VIET	PPD	06	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HAI	PPD	10	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGOC HAI	PPD	09	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU MAU MEN	PPD	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG DINH TIEN	PPD	13	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	PPD	19-20	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HAI	PPD	12	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VAN THANG	PPD	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THANH QUANG	PPD	11	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	PPD	03	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN BA	PPD	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUONG SON	PPD	01-02	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC HA	PVD2	64	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LIEU	PVD2	60	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUAN	PVD2	62	1	7	64	67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN HA	PVD2	61	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO XUAN HANH	PVD2	63	1	4		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	20	121	1.167	40	16		
2	PVD2	5	5	31	359	64	6		
TOTAL		21	25	152	1.526	104	22		
WEIGHT KG				152	1.526	104			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX

16

5

22



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: CTK3 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Văn - MMinh - Vũ	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	69-70	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO VĂN MINH	CTK3	80	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	72	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	71	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	83	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	73	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THANH HOẠT	CTK3	82	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	78	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	81	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	74	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY TUÂN	CTK3	87	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	75	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO ĐỨC THĂNG	CTK3	86	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	84-85	2	16		63	KH-THAC	Vietnamese
16	MAKAROV O.V	CTK3	76	1	10	17	103	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN VĂN TỈNH	CTK3	88-89	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HẠNH	CTK3	79	1	11		61	CODIEN	Vietnamese
19	PHI DUY HOÀN	CTK3	90-91	2	19		72	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH HÙNG	BK14	24	1	20	50	80	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ BA TU	BK14	25	1	10		65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	22	157	1.325	17	10		
2	BK14	2	2	30	145	50	12		
TOTAL		21	24	187	1.470	67	22		
WEIGHT KG				187	1.470	67			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2018	TO: PPD - CTK3 - P3	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - Nam	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHONG	PPD	36	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG TUNG HUYNH	PPD	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN DUONG	PPD	34	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUANG HUY	PPD	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ VĂN HIỆP	PPD	30	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUNG	PPD	26	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG CHUNG	PPD	39-40	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	PPD	27	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH QUANG THAI	PPD	44-45	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT CƯỜNG	PPD	23,25	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM BA HOÀNG	PPD	41-42	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ NGUYỄN HẬU	PPD	37-38	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN PHUC HIEN	PPD	28-29	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	PPD	24	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN VIỆT	PPD	46	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH VŨ TIẾN	PPD	43	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRƯỜNG ANH TUẤN	PPD	31	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HAI TRUNG	PPD	32	1	7		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HONG SON	CTK3	81-82	2	10		71	CODIEN	Vietnamese
20	HOANG HUU TRONG	CTK3	80	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
21	KAZIKOV	CTK3	83-84	2	15		115	ANTOAN	Russian
22	LÊ QUANG HÀ	CTK3	86	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	24	210	1.229	0	12		
2	CTK3	4	6	39	322	0	7		
3	P3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	30	249	1.551	0	22		
WEIGHT KG				249	1.551	0			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RC4+RP2	7:25	17+0+5	0+0+0		16+0+5	0+0+0	chuyen 1 pax TD3 sang RC4
2		PVD2+BK5+BK6	7:25	20+2+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
3		P3+TD2+TD5	7:25	4+9+9	0+0+0		0+7+15	0+0+0	CHUYEN 4 PAX TD2- TD5
4		P9+TD5+RC3	9:25	14+8+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
5		P10+DD3	9:25	15+7	0+0		3+19	0+0	
6		PVD2+BK10	9:25	16+5	0+0		12+10	0+0	
7		P2+DD3	11:25	20+1	0+0		3+19	0+0	
8		P10	11:25	21	0		22	0	
9		P11+P2	11:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
10		P9+RP3+VSP02	13:25	11+0+2	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 1 PAX p9-RP3
11		BK3+BK4+P2	13:25	14+6+11	0+0+0		4+5+13	0+0+0	

TTDSSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
9 NG TD3 VỀ BỐ QUA TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: TD3 - RC4 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1.	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - PTUÂN	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THO	TD3	28	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
2	AFANASHEV I.IU	TD3	96	1	8		90	KHOAN	Russian
3	DOMIN I.U.A	TD3	04	1	10	40	105	KHOAN	Russian
4	LE ANH XUAN	TD3				40	76	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN HAI NAM	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU VUNG	TD3	01	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN KIEM	TD3	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	KHUẤT QUANG KIEN	TD3	97	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	LUU VAN SON	TD3	600	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN PHI HUNG	TD3	02	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HIỂU	TD3	95	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN TRUC TUYEN	TD3	27	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH CHI CÔNG	TD3	03	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN SON	TD3	97	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THE DUNG	TD3	06	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
17	VU TRONG HACH	TD3	05	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
18	NG VAN HA	RP2	91	1	10		60	NHA THAU	Vietnamese
19	TRAN VAN SON	RP2	93	1	5		53	NHA THAU	Vietnamese
20	NGO QUANG KHIEM	RP2	92	1	3		60	NHA THAU	Vietnamese
21	LE VAN HA	RP2	90	1	3		60	NHA THAU	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC DANH	RP2	89-90	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	15	107	1.222	80	16		CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG RC4
2	RC4	0	0	0	0	30	1		
3	RP2	5	6	38	293	0	5		
TOTAL		22	21	145	1.515	110	22		
WEIGHT KG				145	1.515	110			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: PVD2 - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Thanh - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TERRY CLEVELAND	PVD2	70-71	2	15		101	KHOAN	British
2	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	13	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
3	MAI HAI LONG	PVD2	18	1	8		75	D-HANH	Vietnamese
4	RICHARD HUGHES	PVD2	74-75	2	20		79	KHOAN	British
5	HOANG TRONG CHUC	PVD2	12	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
6	ERNEST LAURENCE GLASS JR	PVD2	76-77	2	20	15	89	KHOAN	American
7	DJAMIAT	PVD2	72-73	2	15		79	KHOAN	Indonesian
8	VU THANH PHONG	PVD2	09	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
9	LUONG VAN HOANG	PVD2	20	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG CONG DUNG	PVD2	03	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	NEO KIAN MENG	PVD2	14-15	2	15	10	77	KHOAN	Singapore
12	PERUMAL SEKAR	PVD2	10-11	2	18		68	KHOAN	Indian
13	LAM NGOC PHUC	PVD2	19	1	15	35	87	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN HUY NINH	PVD2	07	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VAN KIEU	PVD2	02	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MANH	PVD2	08	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CHI THANG	PVD2	06	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	17	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	05	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VAN CAO	PVD2	04	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUY NGOC	BK5	49	1	5	20	71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC LUONG	BK5	50,74	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	26	205	1.488	60	18		
2	BK5	2	3	20	144	20	2		
3	BK6	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	29	225	1.632	100	22		
WEIGHT KG				225	1.632	100			

GRAND TOAL: 1.957 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P3 - TD2 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBinh - ATUAN - Luy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN TANG DUONG	P3	85	1	7	40	52	NHA THAU	Vietnamese
2	TRAN DINH SON	P3	88	1	7		60	NHA THAU	Vietnamese
3	NGUYEN CANH SON	P3	87	1	10		74	NHA THAU	Vietnamese
4	NGUYEN CANH TOAN	P3	86	1	10		68	NHA THAU	Vietnamese
5	TRAN MANH HUNG	TD2	63	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LUU	TD2	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC TUNG	TD2	65	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH CONG	TD2				50	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH THANG	TD2	64	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ANH QUANG	TD2	67	1	14		78	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	TD2	68-69	2	15		76	CODIEN	Vietnamese
12	HOANG VAN PHUONG	TD2	66	1	4		60	PSV	Vietnamese
13	HO HOAN KIEM	TD5	28	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE MANH THANG	TD5	23	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
15	VANEEV D.V	TD5	24	1	5		99	KHOAN	Russian
16	HOANG HONG LINH	TD5	31	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
17	HO MINH TRINH	TD5	33	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY TAM	TD5	25	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TAN VINH	TD5	29-30	2	12		76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	32	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
21	LE ANH NGUYEN	TD5	27	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC THINH	TD5	26	1	3		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	4	34	254	40	0		
2	TD2	8	8	51	527	50	7+4		CHUYEN 04 PAX TU TD2 SANG TD5
3	TD5	10	11	63	710	0	15		
TOTAL		22	23	148	1.491	90	22		
WEIGHT KG				148	1.491	90			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P9 - TD5 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - PTUAN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN	P9	94	1	10		90	KH-THAC	Russian
2	IAKIMIDI	P9	19	1	10		100	KH-THAC	Russian
3	PHAM MINH TOAN	P9	22-23	2	15	15	70	YTE	Vietnamese
4	ZAKHARIN	P9	20	1	10		100	KH-THAC	Russian
5	LE MINH THUY	P9	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HOANG	P9	24	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA KY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ VĂN THOẠI	P9	95	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH THUY	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET THANG	P9					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET CUONG	P9	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEN	TD5	44	1	4		60	KHOAN	SRV
14	LAM VAN HANH	TD5	43	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ĐAM	TD5	47	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN LAM GIANG	TD5	49	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU THANH	TD5	48	1	8		60	NHA THAU	Vietnamese
18	AGUS RIADIANSYAH	TD5	51	1	17		105	NHA THAU	Indonesian
19	BUI BACH DUONG	TD5	50	1	10		66	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG SON	TD5	45-46	2	10		65	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN THANH CONG	RC3	46	1	9	165	75	COKHI	Vietnamese
22	NGUYEN MINH TRUNG	RC3	45	1	5		67	COKHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	12	10	73	938	15	10		
2	TD5	8	9	71	577	0	8		
3	RC3	2	2	14	142	165	4		
TOTAL		22	21	158	1.657	180	22		
WEIGHT KG				158	1.657	180			

GRAND TOAL: 1.995 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P10 - DD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - Thanh - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. HỒ THIÊN TÂM	P10	66	1	8	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HOÀI THANH	P10	61	1	7		65	YTE	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THĂNG	P10	58	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	P10	59	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	56	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	54	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HUYNH VŨ	P10	65	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO THANH HÀ	P10					57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤT THANH	P10	57	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NAM	P10	60	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY QUANG	P10	62	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	53	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	55	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BAO LAM	P10	64	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	63	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DENIS MONSIEUR	DD3	74	1	10	19	92	KHOAN	French
17	MARIUS MARICA	DD3	72-73	2	15		91	KHOAN	Romania
18	MANISH CHAUHAN	DD3	75	1	6		73	KHOAN	Indian
19	NANDA RADHAMADHAB	DD3	76	1	5		84	KHOAN	Indian
20	ALWAN YASRI	DD3	79	1	8		71	KHOAN	Indonesian
21	DAVID HENRY HEATH	DD3	77-78	2	20		110	KHOAN	S.African
22	DANG VAN PHU	DD3	80	1	10	107	75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	14	74	1.021	40	3		
2	DD3	7	9	74	596	126	19		
TOTAL		22	23	148	1.617	166	22		
WEIGHT KG				148	1.617	166			

GRAND TOAL: 1.931 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 9/11/2018	TO: PVD2 - BK10	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LBinh - ATUÁN - Luy	ETA: 11:20
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE DUONG	PVD2	25	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
2	LE NGOC HA	PVD2	27	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN SY DUY	PVD2	23	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN ANH	PVD2	41-42	2	17		77	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH DINH NGOC	PVD2	39-40	2	17		58	KHOAN	Vietnamese
6	NGO VAN CUONG	PVD2	43-44	2	17		66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HONG QUANG	PVD2	38	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN NAM THANG	PVD2	29	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUAN DIEP	PVD2	33	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM MINH HOA	PVD2	28	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG XUAN CANH	PVD2	24	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	BUI MINH TUAN	PVD2	25	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
13	VU ANH HIEU	PVD2	30	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUNG CUONG	PVD2	36-37	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THANG	PVD2	34-35	2	17		71	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN BE NGHIA	PVD2	31-32	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CONG TAN	BK10	09	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
18	VU XUAN THUY	BK10	08	1	4	50	67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO TUAN HUNG	BK10	11	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CONG THANH	BK10	07	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SON	BK10	10	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	16	22	169	1.106	0	12		
2	BK10	5	5	22	359	50	10		
TOTAL		21	27	191	1.465	50	22		
WEIGHT KG				191	1.465	50			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P2 - DD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Vận - MTuân - DTùng	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI MINH TRI	P2	81-82	2	12		82	T-TIN	Vietnamese
2	TRAN TIEN BANG	P2	87	1	3		65	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN HONG MINH	P2	89	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
4	AFANASEV	P2	88	1	10		95	KH-THAC	Russian
5	PHAM QUOC HIEN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH HUNG	P2	85	1	10	80	75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN ĐANG	P2	91-92	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO VAN ĐỨC	P2	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ ANH NGỌC	P2	75	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN THỌ	P2	84	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG VAN THUAN	P2	83	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU PHI	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LONG	P2	99	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HUNG	P2	78-79	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HUU LINH	P2	80	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TU TUAN TU	P2	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	76	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH NAM	P2	77	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	93	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO HOANG NAM	P2	95	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM NGOC HUNG	DD3	92-93	2	13	15	72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	21	137	1.468	80	3		
2	DD3	1	2	13	72	15	19		
TOTAL		21	23	150	1.540	95	22		
WEIGHT KG				150	1.540	95			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - Toan	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HÔNG LÍNH	P10	86	1	4	20	62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI HIẾU	P10	71	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	75	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	74	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	69	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	85	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	78	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LŨU	P10	70	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	BUI CONG TRINH	P10	72	1	7		64	NHA THAU	Vietnamese
11	NGUYỄN HUU THANG	P10	82	1	7		55	NHA THAU	Vietnamese
12	BUI VAN HA	P10	81	1	7		65	NHA THAU	Vietnamese
13	TRẦN HAU THO	P10	83	1	7		69	NHA THAU	Vietnamese
14	LE CAO CUÔNG	P10	77	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THÔNG	P10	84	1	9		61	NHA THAU	Vietnamese
16	NGUYỄN CHI LÍNH	P10	76	1	6		69	NHA THAU	Vietnamese
17	DO VAN CUONG	P10	79-80	2	8		70	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	18	105	1.112	20	22		
	TOTAL	17	18	105	1.112	20	22		
	WEIGHT KG			105	1.112	20			

GRAND TOAL: 1.237 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P11 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LBình - DUONG - Luy	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ PHƯỚC ĐỨC	P11	51	1	5	110	70	PSV	Vietnamese
2	PHẠM ĐÌNH CHIÊN	P11	52	1	5		51	PSV	Vietnamese
3	ĐỖ XUÂN CHÍNH	P11	49	1	10		66	PSV	Vietnamese
4	DƯƠNG CÔNG AN	P11	30	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ BÀ HOA	P11	41	1	17		79	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	P11	31	1	16		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VIỆT DŨNG	P11	39	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH THANH TAM	P11	32	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HAI VIỆT	P11	38	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG SY NGOC	P11	36	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIÊN THỨC	P11	34	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	P11	35	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO CHI	P11	33	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CUONG	P11	40	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUAN	P11	50	1	2		76	PSV	Vietnamese
17	NGO VAN THANH	P11	37	1	10		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	83	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH HAI	P2	84	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ VĂN TRUNG	P2	85	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	82	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	86-87	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	17	17	115	1.236	110	15		
2	P2	5	6	51	352	0	7		
TOTAL		22	23	166	1.588	110	22		
WEIGHT KG				166	1.588	110			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: P9 - RP3 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Văn - MTuân - DTùng	ETA: 15:10
<i>Xanh - 4</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGOC THANH	P9	49	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HAI	P9	93	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUỐC DUNG	P9	48	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC BÌNH	P9	50	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ SY BÌNH	P9	47	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DUNG	P9	44	1	2		53	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HA	P9	98	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BANG	P9	600	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TRỊ	P9	97	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC QUÝ	P9	99	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO AN CHUNG	P9	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THUA	P9					77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	12	52	867	0	19+1		CHUYEN 1 PAX P9 SANG RP3
2	RP3	0	0	0	0	0	0		
3	VSP02	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		13	12	52	867	0	22		
WEIGHT KG				52	867	0			

GRAND TOAL: 919 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/09/2018	TO: BK3 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - Toan	ETA: 15:15
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG LINH	BK3	90	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	49	1	3	35	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC THIẾP	BK3	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM BA BÌNH	BK3	89	1	5		67	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	39	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO ĐĂNG ĐỨC	BK4					71	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ BA TUẤN	BK4	40-41	2	8	35	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TIEN	BK4	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUAN MẠNH	BK4	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	TRẦN HÙNG	BK4	42-43	2	10	15	90	PVGAS	Vietnamese
11	PHẠM THANH KIM	P2	28-29	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐỘ	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH PHONG	P2	22	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG DUONG	P2	19	1	10	25	70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC GIAP	P2	21	1	8		56	XAYLAP	Vietnamese
16	LUƠNG VĂN VIỆT	P2	25-26	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ DANH NGỌC	P2	23-24	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HIẾU	P2	27	1	8		67	LILAMA	Vietnamese
19	PHẠM TIEN HAI	P2	17-18	2	15		70	LILAMA	Vietnamese
20	NGUYEN HUU HANH	P2	15	1	5		60	LILAMA	Vietnamese
21	HOANG VAN HUY	P2	16	1	7		81	LILAMA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	4	23	285	35	4		
2	BK4	6	7	32	454	50	5		
3	P2	11	14	106	751	25	13		
TOTAL		21	25	161	1.490	110	22		
WEIGHT KG				161	1.490	110			

GRAND TOTAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		MRM	7:25	15	0		16	0	
2		MRM	11:25	17	0		17	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phuong - ĐTrung	ETA: 14:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOKOLOV KONSTANTIN	MRM	84	1	7		93	KHOAN	Russian
2	STEPANOV OLEG	MRM	91	1	4		114	KHOAN	Russian
3	NGUYEN NGOC LONG	MRM	92	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
4	BYKOV ARTUR	MRM	83	1	6		105	KHOAN	Russian
5	CHERNYSHEV VALERII	MRM	85	1	9		106	KHOAN	Russian
6	KOTOV ALEKSEI	MRM	93	1	10		99	KHOAN	Russian
7	TRAN SY VUONG	MRM	90	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
8	LE MINH HOAN	MRM	86-87	2	9		75	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TUAN NAM	MRM	88	1	8	30	58	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN HUY	MRM	99,900	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO HUU LUU	MRM	97	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
12	TÀ THAI DUONG	MRM	98	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
13	MAKAROV	MRM	94	1	12		94	KHOAN	Russian
14	VU XUAN CANH	MRM	89	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN SI TUAN	MRM	95	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC SON	MRM	92	1	17		73	KHOAN	Vietnamese
17	LA MINH TU	MRM	96	1	12		57	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ANH KIET	MRM	91	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	20	165	1.403	30	17		
	TOTAL	18	20	165	1.403	30	17		
	WEIGHT KG			165	1.403	30			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: KIÊN - Toàn	ETA: 10:40
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHUBIN OLEG	MRM	80	1	12		89	KHOAN	Russian
2	BLOKHINOV ALEXEY	MRM	79	1	5		100	KHOAN	Russian
3	MIKOLAYCHUK VLADIMIR	MRM	85	1	5		102	KHOAN	Russian
4	TSVETKOV OLEG	MRM	82	1	15		110	KHOAN	Russian
5	FEYST ALEXANDER	MRM				23	74	KHOAN	Russian
6	KADATOV MIKHAIL	MRM	83	1	8		80	KHOAN	Russian
7	ZYANGIROV FARIT	MRM	75	1	5		82	KHOAN	Russian
8	MAISHEV VLADIMIR	MRM	76	1	8		100	KHOAN	Russian
9	KARAVKA ANTON	MRM	81	1	8		85	KHOAN	Russian
10	TITENKO VITALY	MRM	86	1	10		110	KHOAN	Russian
11	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	87	1	12		100	KHOAN	Russian
12	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	77	1	10		70	KHOAN	Russian
13	KULYCHEV DENIS	MRM	84	1	13		90	KHOAN	Russian
14	OZEROV VITALII	MRM	78	1	5		90	KHOAN	Russian
15	NGUYEN VAN THUY	MRM	88	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	ILMENTEV ANDREI	MRM	89	1	12		60	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	16	15	135	1.412	23	17		
	TOTAL	16	15	135	1.412	23	17		
	WEIGHT KG			135	1.412	23			

GRAND TOAL: 1.570 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN